**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**Môn: TIẾNG VIỆT; Lớp 1**

**Bài 124: oen oet; Tiết: 277 + 278**

**Thời gian thực hiện: Ngày 24 tháng 02 năm 2025**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Nhận biết vần **oen**, vần **oet**; đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **oen, oet**.

- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **oen, oet**; ghép đúng các vế câu (BT 3).

- Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc **Chú hề**.

- Viết đúng các vần **oen, oet**, các tiếng **nhoẻn** (cười), **khoét** (tổ) cỡ vừa (trên bảng con).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Giáo viên:**

-Thẻ chữ để HS làm BT đọc hiểu

-Máy chiếu để minh họa từ khóa, từ trong bài tập, mẫu vật, vật thật

-Bảng cài, bộ thẻ

**2. Học sinh:**

**-** Sách giáo khoa, sách bài tập Tiếng Việt

- Bút chì, đồ dùng học tập

- Bảng con, phấn

- Bảng cài, bộ

- Vở bài tập Tiếng Việt 1, tập hai.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **2ph**  **15ph**  **10ph**  **10ph**  **5ph** | **1. Hoạt động mở đầu:** Ổn định lớp  **-**Cả lớp hát  **2. Hoạt động hình thành kiến thức:**  **Giới thiệu bài**: vần **oen**, vần **oet**.  **Hoạt động 1: *Dạy vần oen.***  - GV viết: **o - e - n** / HS: **o - e - nờ - oen**, / Phân tích vần **oen**. / Đánh vần: o - e - nờ - oen/oen.  - HS nói: nhoẻn cười. Tiếng **nhoẻn** có vần **oen**. - Phân tích vần **oen**. / Đánh vần, đọc trơn: o - e - nờ - oen / nhờ - oen - nhoen - hỏi - nhoẻn / nhoẻn cười.  **Hoạt động 2: *Dạy vần oet*** (như vần **oen**). Đánh vần, đọc trơn: o - e - tờ - oet / khờ - oet - khoet - sắc - khoét / khoét tổ.  \* Củng cố: Cả lớp đọc trơn các vần, từ khoá: oen, nhoẻn cười; oet, khoét tổ.  **3. Hoạt động luyện tập, thực hành:**  **Hoạt động 1: *Mở rộng vốn từ*** (BT 2: Tiếng có vần **oen**? Tiếng nào có vần **oet**?)  - HS đánh vần, đọc trơn từng từ ngữ: cưa xoèn xoẹt, ...  - HS đọc thầm, tìm tiếng có vần oen, vần oet; báo cáo kết quả.  - GV chỉ từng từ, cả lớp: Tiếng xoèn có vần oen. Tiếng xoẹt có vần oet, ...  ***BT 3*** (Ghép đúng)  - GV chỉ từng vế câu cho cả lớp đọc; đọc cả mẫu: Bầu trời (c) - xám ngoét (2).  - HS làm bài trong VBT. /1 HS báo cáo kết quả.  - Cả lớp đọc lại kết quả: a) Màu sơn - 3) đỏ choét. b) Thanh sắt - 1) hoen gỉ. c) Bầu trời - 2) xám ngoét.  **Hoạt động 2: *Tập viết*** (bảng con - BT 5)  a) HS đọc các vần, tiếng: oen, oet, nhoẻn cười, khoét tổ.  b) Viết vần: **oen, oet**  - HS đọc vần oen, nói cách viết. (GV vừa viết vừa hướng dẫn cách nối nét giữa o và e (chỉnh hướng bút ở điểm cuối chữ o xuống thấp để nối sang e); viết liền nét từ e sang n./ Làm tương tự với vần oet (khác vần oen ở chữ t đứng cuối).  - HS viết: **oen, oet** (2 lần). c) Viết tiếng: **nhoẻn** (cười), **khoét** (tổ).  - GV vừa viết mẫu tiếng **nhoẻn** vừa hướng dẫn quy trình viết, chú ý dấu hỏi đặt trên **e.** / Làm tương tự với tiếng **khoét**. Dấu sắc đặt trên **e**.  - HS viết: **nhoẻn** (cười), **khoét** (tổ) (2 lần).  **TIẾT 2**  **4. Hoạt động vận dụng:**  ***Tập đọc*** (BT 4)  a) GV chỉ hình minh hoạ, giới thiệu bài thơ Chú hề: Chú hề là một vai diễn trong rạp xiếc chuyên biểu diễn tiết mục khôi hài để khán giả vui. Chú rất khôi hài (mặt trắng, má đỏ, mũi và miệng tô son đỏ choét), áo quần loè loẹt. Chú giỏi diễn các trò vui nên các bạn nhỏ rất thích. Trẻ em đi xem xiếc đều thích chú hề.  b) GV đọc mẫu, giọng vui; nhấn giọng gây ấn tượng với các từ ngữ**: choen choét, cà chua, loè loẹt, nhoẻn miệng cười, thân thiện**. Giải nghĩa từ **lòe loẹt** (nhiều màu sắc, trông ngộ nghĩnh); **thân thiện** (tử tế, gần gũi, có thiện cảm).  c) Luyện đọc từ ngữ: vài HS cùng đánh vần, cả lớp đọc trơn: **đỏ choen choét, quả cà chua, loè loẹt, nhoẻn miệng cười, thân thiện, sáng bừng, xem xiếc …**  d) Luyện đọc câu  - GV: Bài có 12 dòng thơ.  - GV chỉ từng cặp 2 dòng thơ cho HS đọc vỡ (1 HS, cả lớp).  - Đọc tiếp nối 2 dòng thơ một cá nhân, từng cặp).  e) Thi đọc tiếp nối 3 khổ thơ; thi đọc cả bài (quy trình như đã hướng dẫn).  g) Tìm hiểu bài đọc  - GV nêu YC; chỉ từng từ ngữ đầu câu, cả lớp nói: Môi đỏ choen choét. Mũi quả cà chua. Áo quần lòe loẹt. Nụ cười thân thiện.  - (Lặp lại) 1 HS xướng từ ngữ đầu câu - cả lớp nói tiếp:  +1 HS: Môi -Cả lớp: đỏ choen choét.  +1 HS: Mũi - Cả lớp: quả cà chua.  +1 HS: Áo quần - Cả lớp: loè loẹt.  +1 HS: Nụ cười - Cả lớp: thân thiện.  **5. Hoạt động củng cố và nối tiếp:**  **-** Chỉ cho HS đọc lại một số câu trong bài đọc.  - Đọc cho người thân nghe lại bài tập đọc.  -HS chuẩn bị bài học tiếp theo | -HS hát  -HS lắng nghe  -HS theo dõi  -HS trả lời  -HS đọc  -HS thực hiện  -HS đọc  -HS thực hiện  -HS đọc  -HS thực hiện  -HS thực hiện  -HS lắng nghe  -HS thực hiện  -HS theo dõi, lắng nghe  -HS lắng nghe  -HS đọc  -HS trả lời  -HS thực hiện  -HS thi đọc  -HS thực hiện  -HS thực hiện |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

**...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................**